

STT	MA_TUONG_DUONG	TEN_DVKT_PHEDUYET	TEN_DVKT_GIA	PHAN LOAI PTTT	DON_GIA	GHICHU	QUYET_DINH	TUNGAY	DENNGAY	ID
1	16.0050.1012	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha người [răng số 4, 5]	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha người [răng số 4, 5]	7	631000		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100480830
2	16.0050.1013	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha người [răng số 6, 7 hàm dưới]	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha người [răng số 6, 7 hàm dưới]	7	861000		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100480831
3	16.0220.1042	Cấy lại răng bị mất khỏi ổ răng	Cấy lại răng bị mất khỏi ổ răng	6	601000		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100480832
4	03.1809.1042	Cấy lại răng bị mất khỏi ổ răng	Cấy lại răng bị mất khỏi ổ răng	6	601000		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100480833
5	03.1836.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GIC) kết hợp Composite	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassionomer Cement (GIC) kết hợp Composite	2	280500		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100480834
6	03.1853.1011	Điều trị tủy lại	Điều trị tủy lại	7	987500		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100480835
7	16.0050.1015	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha người [răng số 6, 7 hàm trên]	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha người [răng số 6, 7 hàm trên]	7	991000		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100480837
8	16.0239.1029	Nhổ chân răng sữa	Nhổ chân răng sữa	7	46600		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100480838
9	03.1915.1024	Nhổ chân răng vĩnh viễn	Nhổ chân răng vĩnh viễn	1	217200		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100480839
10	16.0238.1029	Nhổ răng sữa	Nhổ răng sữa	1	46600		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100480840
11	16.0203.1026	Nhổ răng vĩnh viễn	Nhổ răng vĩnh viễn	7	239500		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100480841
12	03.1914.1025	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	1	110600		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100480842
13	16.0201.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	6	398600		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100480843
14	16.0202.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chưa chân răng	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chưa chân răng	6	398600		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100480845
15	16.0200.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	6	398600		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100480846
16	16.0199.1028	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	7	398600		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100480847
17	03.1949.1035	Trám bit hồ răng bằng nhựa Sealant	Trám bit hồ răng bằng nhựa Sealant	1	245500		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100480849
18	03.1940.1035	Trám bit hồ răng với Composite quang trung hợp	Trám bit hồ răng với Composite quang trung hợp	1	245500		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100480850
19	18.0081.2002	Chụp X-quang răng cận chóp (Periapical) [số hóa]	Chụp X-quang răng cận chóp (Periapical) [số hóa]		23700		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100480851
20	03.1953.1035	Trám bit hồ răng bằng Glassionomer Cement (GIC)	Trám bit hồ răng bằng Glassionomer Cement (GIC)	1	245500		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100480852
21	01.0002.1778	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	3	39900		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100558874
22	01.0053.0075	Đặt catheter mũi hầu, miệng hầu	Đặt catheter mũi hầu, miệng hầu	3	40300		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100558975
23	01.0054.0114	Hút đờm qua ống nội khí quản/catheter mủ khi quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	Hút đờm qua ống nội khí quản/catheter mủ khi quản bằng ống thông một lần ở người bệnh không thở máy (một lần hút)	3	14100		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100558976
24	01.0065.0071	Bóp bóng ambu qua mặt nạ	Bóp bóng ambu qua mặt nạ	2	248500		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100558977
25	01.0066.1888	Đặt nội khí quản	Đặt nội khí quản	1	600500		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100558978
26	01.0071.0120	Mở khí quản cấp cứu	Mở khí quản cấp cứu	5	759800		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100558979
27	01.0085.0277	Vấn đông trị liệu hô hấp	Vấn đông trị liệu hô hấp	2	32900		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100558980
28	01.0086.0898	Khi dùng thuốc cấp cứu (một lần)	Khi dùng thuốc cấp cứu (một lần)	3	27500	Chưa bao gồm thuốc khi dùng.	20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100558981
29	01.0128.0209	Thông khí nhân tạo không xâm nhập [theo giờ thực tế]	Thông khí nhân tạo không xâm nhập [theo giờ thực tế]	1	625000	Chưa bao gồm bộ dây máy thở cao tần các loại, các cỡ. Trường hợp sử dụng bộ dây máy thở cao tần thì trả 4.34.000 đồng cho phí bộ dây máy thở và 5.360 đồng bộ làm ẩm oxy).	20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100558982
30	01.0144.0209	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển [theo giờ thực tế]	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển [theo giờ thực tế]	2	625000		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100558983
31	01.0157.0508	Cố định lồng ngực do chấn thương gây xương sườn	Cố định lồng ngực do chấn thương gây xương sườn	2	58400		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100558984
32	01.0158.0074	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	1	532500	Bao gồm cả băng băng nhũ lần.	20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100558985
33	01.0160.0210	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	3	101800		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100558987
34	01.0164.0210	Thông bàng quang	Thông bàng quang	3	101800		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100558992
35	01.0216.0103	Đặt ống thông dạ dày	Đặt ống thông dạ dày	3	101800		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100558996
36	01.0221.0211	Thụt tháo	Thụt tháo	3	92400		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100558998
37	01.0223.0211	Đặt ống thông hậu môn	Đặt ống thông hậu môn	3	92400		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100558999
38	01.0239.0001	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	2	58600		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559000
39	01.0267.0203	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần) [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm]	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần) [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm]	3	148600		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559001
40	01.0267.0203	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	3	148600		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20250731	100559002
41	01.0267.0204	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	3	193600		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20250731	100559003
42	01.0267.0204	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần) [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm]	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần) [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm]	3	193600		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559004
43	01.0267.0205	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	3	275600		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20250731	100559007
44	01.0267.0205	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần) [chiều dài > 50cm]	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần) [chiều dài > 50cm]	3	275600		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559008
45	01.0281.1510	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)		16000		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559013
46	01.0303.0001	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh	2	58600		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559018
47	02.0011.0079	Chọc hút khí màng phổi	Chọc hút khí màng phổi	3	162900		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559019
48	02.0032.0898	Khi dùng thuốc giãn phế quản	Khi dùng thuốc giãn phế quản		27590		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559020
49	02.0063.0001	Siêu âm màng phổi cấp cứu	Siêu âm màng phổi cấp cứu		58600		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559021
50	02.0068.0277	Vấn đông trị liệu hô hấp	Vấn đông trị liệu hô hấp	3	32900		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559022
51	02.0085.1778	Điện tim thường	Điện tim thường		39900		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559023
52	02.0111.1798	Nghiệm pháp atropin	Nghiệm pháp atropin	2	215800		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559024
53	02.0150.0114	Hút đờm hậu họng	Hút đờm hậu họng	3	14100		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559025
54	02.0163.0203	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	2	148600		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559026
55	02.0166.0283	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)		64900		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559027
56	02.0188.0210	Đặt sonde bàng quang	Đặt sonde bàng quang	3	101800		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559028
57	02.0244.0103	Đặt ống thông dạ dày	Đặt ống thông dạ dày	3	101800		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559029
58	02.0247.0211	Đặt ống thông hậu môn	Đặt ống thông hậu môn	3	92400		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559030
59	02.03	Khám Nội tổng hợp	Khám Nội tổng hợp		36500		20250828_399/NQ-HBND	20250828		100559031
60	02.0313.0159	Rửa dạ dày cấp cứu	Rửa dạ dày cấp cứu		152000		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559032
61	02.0314.0001	Siêu âm ổ bụng	Siêu âm ổ bụng		58600		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559033
62	02.0336.1664	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân		71600		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559034
63	02.0339.0211	Thụt tháo phân	Thụt tháo phân	3	92400		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559035
64	02.0363.0086	Hút ổ viêm/áp xe phần mềm	Hút ổ viêm/áp xe phần mềm	3	126700		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559036
65	02.13	Khám Da liễu	Khám Da liễu		36500		20250828_399/NQ-HBND	20250828		100559037
66	02.15	Khám Tâm thần	Khám Tâm thần		36500		20250828_399/NQ-HBND	20250828		100559038
67	03.0076.0114	Hút đờm khi phế quản ở người bệnh sau đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy	Hút đờm khi phế quản ở người bệnh sau đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy	2	14100		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559039
68	03.0077.1888	Đặt nội khí quản	Đặt nội khí quản	1	600500		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559040
69	03.0078.0120	Mở khí quản	Mở khí quản	6	759800		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559041
70	03.0089.0898	Khi dùng thuốc cấp cứu	Khi dùng thuốc cấp cứu		27500	Chưa bao gồm thuốc khi dùng.	20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559042
71	03.0096.0120	Mở khí quản qua da cấp cứu	Mở khí quản qua da cấp cứu	1	759800		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559043
72	03.0112.0508	Cố định lồng ngực do chấn thương gây xương sườn	Cố định lồng ngực do chấn thương gây xương sườn	2	58400		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559044
73	03.0133.0210	Thông tiểu	Thông tiểu	3	101800		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559045
74	03.0178.0211	Đặt sonde hậu môn	Đặt sonde hậu môn	3	92400		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559046
75	03.0179.0211	Thụt tháo phân	Thụt tháo phân	3	92400		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559047
76	03.0191.1510	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường		16000		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559048
77	03.0290.0224	Nhi chăm	Nhi chăm	2	76300		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559049
78	03.0351.0230	Điện nhĩ châm điện trị liệt chi trên	Điện nhĩ châm điện trị liệt chi trên	2	78300		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559050
79	03.0352.0230	Điện nhĩ châm điện trị liệt chi dưới	Điện nhĩ châm điện trị liệt chi dưới	2	78300		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559051
80	03.0353.0230	Điện nhĩ châm điện trị đau thần kinh tọa	Điện nhĩ châm điện trị đau thần kinh tọa	2	78300		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559052
81	03.0356.0230	Điện nhĩ châm điện trị liệt do bệnh của cơ	Điện nhĩ châm điện trị liệt do bệnh của cơ	2	78300		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559053
82	03.0357.0230	Điện nhĩ châm điện trị bệnh tự kỷ	Điện nhĩ châm điện trị bệnh tự kỷ	2	78300		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559054
83	03.0358.0230	Điện nhĩ châm điện trị chứng ù tai	Điện nhĩ châm điện trị chứng ù tai	2	78300		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559055
84	03.0359.0230	Điện nhĩ châm điện trị giảm khứu giác	Điện nhĩ châm điện trị giảm khứu giác	2	78300		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559056
85	03.0365.0230	Điện nhĩ châm điện trị động kinh	Điện nhĩ châm điện trị động kinh	2	78300		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559057
86	03.0366.0230	Điện nhĩ châm điện trị đau đầu, đau nửa đầu	Điện nhĩ châm điện trị đau đầu, đau nửa đầu	2	78300		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559058
87	03.0367.0230	Điện nhĩ châm điện trị mất ngủ	Điện nhĩ châm điện trị mất ngủ	2	78300		20250828_399/NQ-HBND	20250828	20260630	100559059
88	03.0368.0230	Điện nhĩ châm điện trị thiếu máu não mạn tính	Điện nhĩ châm điện trị thiếu máu não mạn tính	2	78300					

98	03.0388.0230	Điện nhĩ châm điều trị đau ngực, sườn	Điện nhĩ châm điều trị đau ngực, sườn	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559070
99	03.0393.0230	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559071
100	03.0394.0230	Điện nhĩ châm điều trị đau mắt cơ	Điện nhĩ châm điều trị đau mắt cơ	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559072
101	03.0395.0230	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559073
102	03.0396.0230	Điện nhĩ châm điều trị dai dăm	Điện nhĩ châm điều trị dai dăm	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559074
103	03.0397.0230	Điện nhĩ châm điều trị bì dãi	Điện nhĩ châm điều trị bì dãi	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559075
104	03.0398.0230	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559076
105	03.0401.0230	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559077
106	03.0403.0230	Điện nhĩ châm điều trị đau răng	Điện nhĩ châm điều trị đau răng	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559078
107	03.0461.0230	Điện châm điều trị di chứng bại liệt	Điện châm điều trị di chứng bại liệt	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559079
108	03.0462.0230	Điện châm điều trị liệt chi trên	Điện châm điều trị liệt chi trên	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559080
109	03.0463.0230	Điện châm điều trị liệt chi dưới	Điện châm điều trị liệt chi dưới	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559081
110	03.0464.0230	Điện châm điều trị liệt nửa người	Điện châm điều trị liệt nửa người	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559082
111	03.0465.0230	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559083
112	03.0466.0230	Điện châm điều trị teo cơ	Điện châm điều trị teo cơ	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559084
113	03.0467.0230	Điện châm điều trị đau thần kinh tọa	Điện châm điều trị đau thần kinh tọa	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559085
114	03.0468.0230	Điện châm điều trị bại não	Điện châm điều trị bại não	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559086
115	03.0469.0230	Điện châm điều trị bệnh tự kỷ	Điện châm điều trị bệnh tự kỷ	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559087
116	03.0470.0230	Điện châm điều trị chứng ã tai	Điện châm điều trị chứng ã tai	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559088
117	03.0471.0230	Điện châm điều trị giảm khủu giác	Điện châm điều trị giảm khủu giác	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559089
118	03.0472.0230	Điện châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	Điện châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559090
119	03.0473.0230	Điện châm điều trị khản tiếng	Điện châm điều trị khản tiếng	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559091
120	03.0476.0230	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559092
121	03.0477.0230	Điện châm điều trị động kinh cục bộ	Điện châm điều trị động kinh cục bộ	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559093
122	03.0478.0230	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559094
123	03.0479.0230	Điện châm điều trị mất ngủ	Điện châm điều trị mất ngủ	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559095
124	03.0480.0230	Điện châm điều trị stress	Điện châm điều trị stress	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559096
125	03.0481.0230	Điện châm điều trị thiếu máu não mạn tính	Điện châm điều trị thiếu máu não mạn tính	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559097
126	03.0482.0230	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rễ, đăm rỏ và dây thần kinh	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rễ, đăm rỏ và dây thần kinh	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559098
127	03.0483.0230	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559099
128	03.0484.0230	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559100
129	03.0485.0230	Điện châm điều trị chấp leo	Điện châm điều trị chấp leo	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559101
130	03.0486.0230	Điện châm điều trị sụp mí	Điện châm điều trị sụp mí	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559102
131	03.0487.0230	Điện châm điều trị bệnh hồ mắt	Điện châm điều trị bệnh hồ mắt	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559103
132	03.0488.0230	Điện châm điều trị viêm kết mạc	Điện châm điều trị viêm kết mạc	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559104
133	03.0489.0230	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559105
134	03.0490.0230	Điện châm điều trị lác	Điện châm điều trị lác	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559106
135	03.0491.0230	Điện châm điều trị giảm thị lực	Điện châm điều trị giảm thị lực	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559107
136	03.0492.0230	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559108
137	03.0493.0230	Điện châm điều trị giảm thính lực	Điện châm điều trị giảm thính lực	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559109
138	03.0494.0230	Điện châm điều trị thất ngôn	Điện châm điều trị thất ngôn	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559110
139	03.0495.0230	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559111
140	03.0496.0230	Điện châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta	Điện châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559112
141	03.0497.0230	Điện châm điều trị nôn nấc	Điện châm điều trị nôn nấc	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559113
142	03.0498.0230	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559114
143	03.0499.0230	Điện châm điều trị viêm bàng quang cấp	Điện châm điều trị viêm bàng quang cấp	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559115
144	03.0500.0230	Điện châm điều trị viêm phần phụ	Điện châm điều trị viêm phần phụ	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559116
145	03.0501.0230	Điện châm điều trị rối loạn trí tuệ, tiểu tiện	Điện châm điều trị rối loạn trí tuệ, tiểu tiện	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559117
146	03.0502.0230	Điện châm điều trị táo bón	Điện châm điều trị táo bón	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559118
147	03.0503.0230	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559119
148	03.0504.0230	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559120
149	03.0505.0230	Điện châm điều trị dai dăm	Điện châm điều trị dai dăm	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559121
150	03.0506.0230	Điện châm điều trị bì dãi	Điện châm điều trị bì dãi	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559122
151	03.0507.0230	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559123
152	03.0508.0230	Điện châm điều trị cảm cúm	Điện châm điều trị cảm cúm	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559124
153	03.0509.0230	Điện châm điều trị viêm Amidan cấp	Điện châm điều trị viêm Amidan cấp	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559125
154	03.0511.0230	Điện châm điều trị buồn ã đơn thuần	Điện châm điều trị buồn ã đơn thuần	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559126
155	03.0512.0230	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559127
156	03.0513.0230	Điện châm điều trị liệt trĩ chi do chấn thương cột sống	Điện châm điều trị liệt trĩ chi do chấn thương cột sống	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559128
157	03.0514.0230	Điện châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Điện châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559129
158	03.0515.0230	Điện châm điều trị giảm đau ã ung thư	Điện châm điều trị giảm đau ã ung thư	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559130
159	03.0516.0230	Điện châm điều trị đau răng	Điện châm điều trị đau răng	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559131
160	03.0517.0230	Điện châm điều trị giảm đau ã Zona	Điện châm điều trị giảm đau ã Zona	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559132
161	03.0518.0230	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559133
162	03.0519.0230	Điện châm điều trị hen phế quản	Điện châm điều trị hen phế quản	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559134
163	03.0520.0230	Điện châm điều trị tăng huyết áp	Điện châm điều trị tăng huyết áp	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559135
164	03.0521.0230	Điện châm điều trị huyết áp thấp	Điện châm điều trị huyết áp thấp	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559136
165	03.0522.0230	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559137
166	03.0523.0230	Điện châm điều trị đau ngực sườn	Điện châm điều trị đau ngực sườn	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559138
167	03.0524.0230	Điện châm điều trị viêm ã dây thần kinh	Điện châm điều trị viêm ã dây thần kinh	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559139
168	03.0525.0230	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559140
169	03.0526.0230	Điện châm điều trị thoái hóa khớp	Điện châm điều trị thoái hóa khớp	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559141
170	03.0527.0230	Điện châm điều trị đau lưng	Điện châm điều trị đau lưng	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559142
171	03.0528.0230	Điện châm điều trị đau mắt cơ	Điện châm điều trị đau mắt cơ	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559143
172	03.0529.0230	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559144
173	03.0530.0230	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy	2	78300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559145
174	03.0532.0271	Thủy châm điều trị liệt	Thủy châm điều trị liệt	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559146
175	03.0533.0271	Thủy châm điều trị liệt chi trên	Thủy châm điều trị liệt chi trên	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559147
176	03.0534.0271	Thủy châm điều trị liệt chi dưới	Thủy châm điều trị liệt chi dưới	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559148
177	03.0535.0271	Thủy châm điều trị liệt nửa người	Thủy châm điều trị liệt nửa người	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559149
178	03.0536.0271	Thủy châm điều trị liệt do bệnh của cơ	Thủy châm điều trị liệt do bệnh của cơ	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559150
179	03.0538.0271	Thủy châm điều trị đau thần kinh tọa	Thủy châm điều trị đau thần kinh tọa	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559151
180	03.0541.0271	Thủy châm điều trị chứng ã tai	Thủy châm điều trị chứng ã tai	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559152
181	03.0548.0271	Thủy châm điều trị động kinh	Thủy châm điều trị động kinh	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559153
182	03.0549.0271	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559154
183	03.0551.0271	Thủy châm điều trị stress	Thủy châm điều trị stress	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559155
184	03.0552.0271	Thủy châm điều trị thiếu máu não mạn tính	Thủy châm điều trị thiếu máu não mạn tính	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559156
185	03.0553.0271	Thủy châm điều trị tổn thương rễ, đăm rỏ và dây thần kinh	Thủy châm điều trị tổn thương rễ, đăm rỏ và dây thần kinh	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559157
186	03.0554.0271	Thủy châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	Thủy châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559158
187	03.0555.0271	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559159
188	03.0558.0271	Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559160
189	03.0561.0271	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559161
190	03.0562.0271	Thủy châm điều trị giảm thính lực	Thủy châm điều trị giảm thính lực</						

211	03.0605.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559183
212	03.0606.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559184
213	03.0607.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tọa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tọa	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559185
214	03.0608.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559186
215	03.0609.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bại não trẻ em	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bại não trẻ em	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559187
216	03.0610.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559188
217	03.0611.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559189
218	03.0612.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chóng mặt	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chóng mặt	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559190
219	03.0614.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559191
220	03.0615.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứ giác	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứ giác	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559192
221	03.0616.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559193
222	03.0617.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần kinh	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559194
223	03.0618.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị teo cơ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị teo cơ	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559195
224	03.0621.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559196
225	03.0622.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559197
226	03.0623.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị động kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị động kinh	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559198
227	03.0624.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559199
228	03.0625.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559200
229	03.0626.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị stress	Xoa bóp bấm huyệt điều trị stress	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559201
230	03.0628.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559202
231	03.0629.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559203
232	03.0630.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559204
233	03.0631.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559205
234	03.0632.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559206
235	03.0633.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559207
236	03.0634.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực do teo gai thị	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực do teo gai thị	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559208
237	03.0635.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559209
238	03.0636.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559210
239	03.0637.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559211
240	03.0638.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559212
241	03.0641.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559213
242	03.0642.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559214
243	03.0643.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau ngực, sườn	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau ngực, sườn	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559215
244	03.0644.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau da đầu	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau da đầu	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559216
245	03.0645.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559217
246	03.0646.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559218
247	03.0647.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thoái hóa khớp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thoái hóa khớp	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559219
248	03.0648.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559220
249	03.0649.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau mắt cơ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau mắt cơ	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559221
250	03.0651.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559222
251	03.0652.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tê	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tê	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559223
252	03.0653.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559224
253	03.0654.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559225
254	03.0655.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm cơ cứng cơ delta	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm cơ cứng cơ delta	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559226
255	03.0656.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559227
256	03.0657.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559228
257	03.0658.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559229
258	03.0659.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559230
259	03.0660.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bì dái	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bì dái	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559231
260	03.0661.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559232
261	03.0663.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559233
262	03.0664.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559234
263	03.0665.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559235
264	03.0666.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559236
265	03.0667.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau răng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau răng	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559237
266	03.0668.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau dai	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau dai	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559238
267	03.0669.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sa trực tràng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sa trực tràng	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559239
268	03.0670.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hysteria	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hysteria	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559240
269	03.0671.0228	Cửu điều trị đau lưng thể hàn	Cửu điều trị đau lưng thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559241
270	03.0672.0228	Cửu điều trị đau thần kinh tọa thể hàn	Cửu điều trị đau thần kinh tọa thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559242
271	03.0673.0228	Cửu điều trị đau bụng in chảy thể hàn	Cửu điều trị đau bụng in chảy thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559243
272	03.0674.0228	Cửu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn	Cửu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559244
273	03.0675.0228	Cửu điều trị đau và gây cấp thể hàn	Cửu điều trị đau và gây cấp thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559245
274	03.0676.0228	Cửu điều trị ngoại cảm phong hàn	Cửu điều trị ngoại cảm phong hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559246
275	03.0677.0228	Cửu điều trị liệt thể hàn	Cửu điều trị liệt thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559247
276	03.0678.0228	Cửu điều trị liệt chi trên thể hàn	Cửu điều trị liệt chi trên thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559248
277	03.0679.0228	Cửu điều trị liệt chi dưới thể hàn	Cửu điều trị liệt chi dưới thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559249
278	03.0680.0228	Cửu điều trị liệt nửa người thể hàn	Cửu điều trị liệt nửa người thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559250
279	03.0681.0228	Cửu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn	Cửu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559251
280	03.0682.0228	Cửu điều trị bại não thể hàn	Cửu điều trị bại não thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559252
281	03.0683.0228	Cửu điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	Cửu điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559253
282	03.0684.0228	Cửu điều trị ù tai thể hàn	Cửu điều trị ù tai thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559254
283	03.0685.0228	Cửu điều trị giảm khứ giác thể hàn	Cửu điều trị giảm khứ giác thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559255
284	03.0686.0228	Cửu điều trị khản tiếng thể hàn	Cửu điều trị khản tiếng thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559256
285	03.0688.0228	Cửu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	Cửu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559257
286	03.0689.0228	Cửu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	Cửu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559258
287	03.0691.0228	Cửu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn	Cửu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559259
288	03.0692.0228	Cửu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	Cửu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559260
289	03.0693.0228	Cửu điều trị đại đàm thể hàn	Cửu điều trị đại đàm thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559261
290	03.0694.0228	Cửu điều trị bì dái thể hàn	Cửu điều trị bì dái thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559262
291	03.0695.0228	Cửu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	Cửu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559263
292	03.0696.0228	Cửu điều trị cảm cúm thể hàn	Cửu điều trị cảm cúm thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559264
293	03.0774.0237	Điều trị bằng tia hồng ngoại	Điều trị bằng tia hồng ngoại	33000		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559265
294	03.0774.0237	Điều trị bằng tia hồng ngoại	Điều trị bằng tia hồng ngoại	40900		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559266
295	03.1682.0856	Tiền dưới kết mạc	Tiền dưới kết mạc	2	55000	Chưa bao gồm thuốc.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559270
296	03.1693.0738	Trích chấp, leo, trích áp xe mi, kết mạc	Trích chấp, leo, trích áp xe mi, kết mạc	2	85500		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559271
297	03.1694.0799	Nắn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	Nắn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	3	40900		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559272
298	03.1699.0849	Soi đáy mắt trực tiếp	Soi đáy mắt trực tiếp	2	60000		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559273
299	03.1703.0075	Cắt chỉ khâu da	Cắt chỉ khâu da	3	40300	Chỉ áp dụng với người bệnh ngoại trú.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559274
300	03.1706.0782	Lấy dị vật kết mạc							

320	03.2119.0505	Trích nhọt ởng tai ngoài	Trích nhọt ởng tai ngoài	6	218500	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559295
321	03.2120.0899	Lâm thuốc tai	Lâm thuốc tai	3	22000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559296
322	03.2148.0912	Nắn sống mũi sau chấn thương	Nắn sống mũi sau chấn thương	7	2804100	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559297
323	03.2149.0916	Nhét bắc mũi sau	Nhét bắc mũi sau	2	139000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559298
324	03.2154.0897	Lâm Proetz	Lâm Proetz	3	69300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559299
325	03.2155.0869	Cầm máu mũi bằng Meroxone (2 bên)	Cầm máu mũi bằng Meroxone (2 bên)	2	286500	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559300
326	03.2175.0879	Trích áp xe thành sau họng	Trích áp xe thành sau họng	6	295500	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20250731	100559301
327	03.2175.0879	Trích áp xe thành sau họng [gây tế]	Trích áp xe thành sau họng [gây tế]	6	295500	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559302
328	03.2175.0996	Trích áp xe thành sau họng	Trích áp xe thành sau họng	6	771900	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20250731	100559303
329	03.2175.0996	Trích áp xe thành sau họng [gây mê]	Trích áp xe thành sau họng [gây mê]	6	771900	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559304
330	03.2178.0900	Lấy dị vật hạ họng	Lấy dị vật hạ họng	2	43100	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559305
331	03.2181.0878	Trích áp xe quanh Amidan	Trích áp xe quanh Amidan	1	295500	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20250731	100559306
332	03.2181.0878	Trích áp xe quanh Amidan [gây tế]	Trích áp xe quanh Amidan [gây tế]	1	295500	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559307
333	03.2181.0995	Trích áp xe quanh Amidan	Trích áp xe quanh Amidan	1	771900	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20250731	100559308
334	03.2181.0995	Trích áp xe quanh Amidan [gây mê]	Trích áp xe quanh Amidan [gây mê]	1	771900	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559309
335	03.2184.0899	Lâm thuốc tai, mũi, thanh quản	Lâm thuốc tai, mũi, thanh quản	1	22000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559310
336	03.2245.0216	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương nông chiều dài < 10 cm]	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương nông chiều dài < 10 cm]	1	194700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559311
337	03.2245.0217	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương nông chiều dài ≥ 10 cm]	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương nông chiều dài ≥ 10 cm]	1	269500	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559312
338	03.2245.0218	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương sâu chiều dài < 10 cm]	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương sâu chiều dài < 10 cm]	1	289500	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559313
339	03.2245.0219	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương sâu chiều dài ≥ 10 cm]	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ [tổn thương sâu chiều dài ≥ 10 cm]	1	354200	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559314
340	03.2357.0211	Thụt tháo phân	Thụt tháo phân	3	92400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559315
341	03.2358.0211	Đặt sonde hậu môn	Đặt sonde hậu môn	3	92400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559316
342	03.2383.0314	Test nội bì	Test nội bì	1	493800	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20250731	100559317
343	03.2383.0314	Test nội bì [châm]	Test nội bì [châm]	1	493800	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559318
344	03.2383.0315	Test nội bì	Test nội bì	1	406800	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20250731	100559319
345	03.2383.0315	Test nội bì [nhánh]	Test nội bì [nhánh]	1	406800	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559320
346	03.2384.0307	Test áp (Patch test) với các loại thuốc	Test áp (Patch test) với các loại thuốc	1	546100	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559321
347	03.2387.0212	Tiêm trong da	Tiêm trong da	3	15100	Chi áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm. 20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559322
348	03.2388.0212	Tiêm dưới da	Tiêm dưới da	3	15100	Chi áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm. 20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559323
349	03.2389.0212	Tiêm bắp thịt	Tiêm bắp thịt	3	15100	Chi áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm. 20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559324
350	03.2390.0212	Tiêm tĩnh mạch	Tiêm tĩnh mạch	3	15100	Chi áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc tiêm. 20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559325
351	03.2391.0215	Truyền tĩnh mạch	Truyền tĩnh mạch	3	25100	Chi áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc và dịch truyền. 20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559326
352	03.2456.1044	Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm	Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm	6	771000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559327
353	03.2535.1049	Cắt u mô, u bì đầu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm	Cắt u mô, u bì đầu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm	6	2928100	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559328
354	03.3033.0340	Nạo vét ổ đau không viêm xương	Nạo vét ổ đau không viêm xương	6	649800	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559329
355	03.3083.0576	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	7	2767900	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559330
356	03.3406.0600	Trích áp xe tăng sinh mụn	Trích áp xe tăng sinh mụn	7	873000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559331
357	03.3817.0505	Trích áp xe phần mềm lớn	Trích áp xe phần mềm lớn	2	218500	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559332
358	03.3821.0216	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơ gián	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơ gián	2	194700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559333
359	03.3825.0217	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương nông]	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương nông]	2	269500	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559334
360	03.3825.0219	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương sâu]	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương sâu]	2	354200	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559335
361	03.3826.0075	Thay băng, cắt chi vết mổ	Thay băng, cắt chi vết mổ	3	40300	Chi áp dụng với người bệnh ngoại trú. 20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559336
362	03.3826.0200	Thay băng, cắt chi vết mổ [chiều dài ≤ 15cm]	Thay băng, cắt chi vết mổ [chiều dài ≤ 15cm]	3	64300	Chi áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế. 20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559337
363	03.3826.0202	Thay băng, cắt chi vết mổ [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	Thay băng, cắt chi vết mổ [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	3	121400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559338
364	03.3826.0203	Thay băng, cắt chi vết mổ [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]	Thay băng, cắt chi vết mổ [chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng]	3	148600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559339
365	03.3826.0204	Thay băng, cắt chi vết mổ [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	Thay băng, cắt chi vết mổ [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	3	193600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559340
366	03.3826.0205	Thay băng, cắt chi vết mổ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	Thay băng, cắt chi vết mổ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	3	275600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559341
367	03.3827.0216	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm [tổn thương nông]	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm [tổn thương nông]	3	194700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559342
368	03.3827.0218	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm [tổn thương sâu]	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm [tổn thương sâu]	3	289500	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559343
369	03.3843.0527	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay [bột liền]	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay [bột liền]	1	372700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559344
370	03.3843.0528	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay [bột tự cấn]	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay [bột tự cấn]	1	300100	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559345
371	03.3844.0515	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu [bột liền]	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu [bột liền]	1	434600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559346
372	03.3844.0516	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu [bột tự cấn]	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu [bột tự cấn]	1	256600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559347
373	03.3846.0515	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay [bột liền]	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay [bột liền]	1	434600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559348
374	03.3846.0516	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay [bột tự cấn]	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay [bột tự cấn]	1	256600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559349
375	03.3849.0521	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay [bột liền]	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay [bột liền]	1	372700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559350
376	03.3849.0522	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay [bột tự cấn]	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay [bột tự cấn]	1	242400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559351
377	03.3850.0521	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay [bột liền]	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay [bột liền]	1	372700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559352
378	03.3851.0521	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay [bột liền]	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay [bột liền]	1	372700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559353
379	03.3851.0522	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay [bột tự cấn]	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay [bột tự cấn]	1	242400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559354
380	03.3852.0521	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay [bột liền]	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay [bột liền]	1	372700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559355
381	03.3852.0522	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay [bột tự cấn]	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay [bột tự cấn]	1	242400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559356
382	03.3853.0521	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles [bột liền]	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles [bột liền]	1	372700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559357
383	03.3853.0522	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles [bột tự cấn]	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles [bột tự cấn]	1	242400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559358
384	03.3854.0520	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay [bột tự cấn]	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay [bột tự cấn]	2	192400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559360
385	03.3864.0525	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân [bột liền]	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân [bột liền]	1	372700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559361
386	03.3864.0526	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân [bột tự cấn]	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân [bột tự cấn]	1	300100	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559362
387	03.3865.0525	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân [bột liền]	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân [bột liền]	1	372700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559363
388	03.3865.0526	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân [bột tự cấn]	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân [bột tự cấn]	1	300100	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559364
389	03.3866.0525	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân [bột liền]	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân [bột liền]	1	372700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559365
390	03.3866.0526	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân [bột tự cấn]	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân [bột tự cấn]	1	300100	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559366
391	03.3867.0525	Nắn, bó bột gãy xương chày [bột liền]	Nắn, bó bột gãy xương chày [bột liền]	1	372700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559367
392	03.3867.0526	Nắn, bó bột gãy xương chày [bột tự cấn]	Nắn, bó bột gãy xương chày [bột tự cấn]	1	300100	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559368
393	03.3868.0525	Nắn, bó bột gãy Dupuytren [bột liền]	Nắn, bó bột gãy Dupuytren [bột liền]	1	372700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559369
394	03.3868.0526	Nắn, bó bột gãy Dupuytren [bột tự cấn]	Nắn, bó bột gãy Dupuytren [bột tự cấn]	1	300100	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559370
395	03.3869.0521	Nắn, bó bột gãy Monteggia [bột liền]	Nắn, bó bột gãy Monteggia [bột liền]	1	372700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559371
396	03.3869.0522	Nắn, bó bột gãy Monteggia [bột tự cấn]	Nắn, bó bột gãy Monteggia [bột tự cấn]	1	242400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559372
397	03.3871.0532	Nắn, bó bột gãy xương gót	Nắn, bó bột gãy xương gót	1	167000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559373
398	03.3872.0519	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân [bột liền]	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân [bột liền]	2	257000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559374
399	03.3872.0520	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân [bột tự cấn]	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân [bột tự cấn]	2	192400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559375
400	03.3873.0515	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn [bột liền]	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn [bột liền]	2	434600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559381
401	03.3873.0516	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn [bột tự cấn]	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn [bột tự cấn]	2	256600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559386
402	03.3874.0515	Nắn, cố định trật khớp hàm [bột liền]	Nắn, cố định trật khớp hàm [bột liền]	1	434600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559392
403	03.3874.0516	Nắn, cố định trật khớp hàm [bột tự cấn]	Nắn, cố định trật khớp hàm [bột tự cấn]	1	256600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559396
404	03.3875.0513	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân [bột liền]	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân [bột liền]	2	282000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559403</

418	08.0166.0230	Điện nhĩ chân điều trị liệt dây VII ngoại biên	Điện nhĩ chân điều trị liệt dây VII ngoại biên	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559442
419	08.0167.0230	Điện nhĩ chân điều trị tác tả nửa	Điện nhĩ chân điều trị tác tả nửa	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559443
420	08.0168.0230	Điện nhĩ chân điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	Điện nhĩ chân điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559444
421	08.0169.0230	Điện nhĩ chân điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Điện nhĩ chân điều trị đau đầu, đau nửa đầu	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559445
422	08.0171.0230	Điện nhĩ chân điều trị hội chứng stress	Điện nhĩ chân điều trị hội chứng stress	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559446
423	08.0172.0230	Điện nhĩ chân điều trị nôn	Điện nhĩ chân điều trị nôn	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559447
424	08.0174.0230	Điện nhĩ chân điều trị cảm mạo	Điện nhĩ chân điều trị cảm mạo	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559448
425	08.0177.0230	Điện nhĩ chân điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Điện nhĩ chân điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559449
426	08.0178.0230	Điện nhĩ chân điều trị hội chứng đay - tả trắng	Điện nhĩ chân điều trị hội chứng đay - tả trắng	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559450
427	08.0179.0230	Điện nhĩ chân phục hồi chức năng cơ tre bại liệt	Điện nhĩ chân phục hồi chức năng cơ tre bại liệt	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559451
428	08.0184.0230	Điện nhĩ chân điều trị cơn đau quần thần	Điện nhĩ chân điều trị cơn đau quần thần	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559452
429	08.0185.0230	Điện nhĩ chân điều trị viêm bàng quang	Điện nhĩ chân điều trị viêm bàng quang	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559453
430	08.0186.0230	Điện nhĩ chân điều trị tinh	Điện nhĩ chân điều trị tinh	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559454
431	08.0187.0230	Điện nhĩ chân điều trị liệt dương	Điện nhĩ chân điều trị liệt dương	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559455
432	08.0188.0230	Điện nhĩ chân điều trị rối loạn tiêu tiểu	Điện nhĩ chân điều trị rối loạn tiêu tiểu	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559456
433	08.0189.0230	Điện nhĩ chân điều trị bị đái cơ năng	Điện nhĩ chân điều trị bị đái cơ năng	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559457
434	08.0194.0230	Điện nhĩ chân điều trị đau dây thần kinh V	Điện nhĩ chân điều trị đau dây thần kinh V	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559458
435	08.0195.0230	Điện nhĩ chân điều trị liệt chi do chấn thương cột sống	Điện nhĩ chân điều trị liệt chi do chấn thương cột sống	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559459
436	08.0196.0230	Điện nhĩ chân điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	Điện nhĩ chân điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559460
437	08.0198.0230	Điện nhĩ chân điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Điện nhĩ chân điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559461
438	08.0199.0230	Điện nhĩ chân điều trị liệt chi trên	Điện nhĩ chân điều trị liệt chi trên	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559462
439	08.0201.0230	Điện nhĩ chân điều trị thông kinh	Điện nhĩ chân điều trị thông kinh	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559463
440	08.0202.0230	Điện nhĩ chân điều trị rối loạn kinh nguyệt	Điện nhĩ chân điều trị rối loạn kinh nguyệt	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559464
441	08.0203.0230	Điện nhĩ chân điều trị đau hố mắt	Điện nhĩ chân điều trị đau hố mắt	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559465
442	08.0205.0230	Điện nhĩ chân điều trị viêm thần kinh thĩ giác sau giai đoạn cấp	Điện nhĩ chân điều trị viêm thần kinh thĩ giác sau giai đoạn cấp	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559466
443	08.0206.0230	Điện nhĩ chân điều trị giảm thị lực	Điện nhĩ chân điều trị giảm thị lực	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559467
444	08.0208.0230	Điện nhĩ chân điều trị táo bón kéo dài	Điện nhĩ chân điều trị táo bón kéo dài	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559468
445	08.0209.0230	Điện nhĩ chân điều trị viêm mũi xoang	Điện nhĩ chân điều trị viêm mũi xoang	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559469
446	08.0211.0230	Điện nhĩ chân điều trị đái dầm	Điện nhĩ chân điều trị đái dầm	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559470
447	08.0212.0230	Điện nhĩ chân điều trị rối loạn tiêu hóa	Điện nhĩ chân điều trị rối loạn tiêu hóa	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559471
448	08.0213.0230	Điện nhĩ chân điều trị đau răng	Điện nhĩ chân điều trị đau răng	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559472
449	08.0215.0230	Điện nhĩ chân điều trị viêm khớp dạng thấp	Điện nhĩ chân điều trị viêm khớp dạng thấp	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559473
450	08.0216.0230	Điện nhĩ chân điều trị viêm quạnh khớp vai	Điện nhĩ chân điều trị viêm quạnh khớp vai	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559474
451	08.0217.0230	Điện nhĩ chân điều trị đau do thoát hóa khớp	Điện nhĩ chân điều trị đau do thoát hóa khớp	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559475
452	08.0218.0230	Điện nhĩ chân điều trị đau lưng	Điện nhĩ chân điều trị đau lưng	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559476
453	08.0219.0230	Điện nhĩ chân điều trị tai	Điện nhĩ chân điều trị tai	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559477
454	08.0221.0230	Điện nhĩ chân điều trị liệt rễ, đám rối dây thần kinh	Điện nhĩ chân điều trị liệt rễ, đám rối dây thần kinh	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559478
455	08.0222.0230	Điện nhĩ chân điều trị rối loạn cảm giác nông	Điện nhĩ chân điều trị rối loạn cảm giác nông	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559479
456	08.0223.0230	Điện nhĩ chân điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Điện nhĩ chân điều trị rối loạn thần kinh thực vật	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559480
457	08.0226.0230	Điện nhĩ chân điều trị viêm da rết, da dây thần kinh	Điện nhĩ chân điều trị viêm da rết, da dây thần kinh	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559481
458	08.0227.0230	Điện nhĩ chân điều trị chứng te cơ mắt	Điện nhĩ chân điều trị chứng te cơ mắt	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559482
459	08.0278.0230	Điện chân điều trị hội chứng tiền đình	Điện chân điều trị hội chứng tiền đình	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559483
460	08.0279.0230	Điện chân điều trị huyết áp thấp	Điện chân điều trị huyết áp thấp	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559484
461	08.0280.0230	Điện chân điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	Điện chân điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559485
462	08.0281.0230	Điện chân điều trị hội chứng stress	Điện chân điều trị hội chứng stress	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559486
463	08.0282.0230	Điện chân điều trị cảm mạo	Điện chân điều trị cảm mạo	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559487
464	08.0283.0230	Điện chân điều trị phục hồi chức năng cơ tre bại liệt	Điện chân điều trị phục hồi chức năng cơ tre bại liệt	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559488
465	08.0287.0230	Điện chân điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	Điện chân điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559489
466	08.0290.0230	Điện chân điều trị cơn đau quần thần	Điện chân điều trị cơn đau quần thần	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559490
467	08.0291.0230	Điện chân điều trị viêm bàng quang	Điện chân điều trị viêm bàng quang	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559491
468	08.0292.0230	Điện chân điều trị rối loạn tiêu tiểu	Điện chân điều trị rối loạn tiêu tiểu	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559492
469	08.0293.0230	Điện chân điều trị bị đái cơ năng	Điện chân điều trị bị đái cơ năng	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559493
470	08.0296.0230	Điện chân điều trị liệt chi do chấn thương cột sống	Điện chân điều trị liệt chi do chấn thương cột sống	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559494
471	08.0297.0230	Điện chân điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	Điện chân điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559495
472	08.0300.0230	Điện chân điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Điện chân điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559496
473	08.0301.0230	Điện chân điều trị liệt chi trên	Điện chân điều trị liệt chi trên	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559497
474	08.0302.0230	Điện chân điều trị chấp leo	Điện chân điều trị chấp leo	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559498
475	08.0303.0230	Điện chân điều trị đau hố mắt	Điện chân điều trị đau hố mắt	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559499
476	08.0305.0230	Điện chân điều trị viêm thần kinh thĩ giác sau giai đoạn cấp	Điện chân điều trị viêm thần kinh thĩ giác sau giai đoạn cấp	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559500
477	08.0307.0230	Điện chân điều trị rối loạn cảm giác nông	Điện chân điều trị rối loạn cảm giác nông	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559501
478	08.0310.0230	Điện chân điều trị viêm mũi xoang	Điện chân điều trị viêm mũi xoang	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559502
479	08.0311.0230	Điện chân điều trị rối loạn tiêu hóa	Điện chân điều trị rối loạn tiêu hóa	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559503
480	08.0312.0230	Điện chân điều trị đau răng	Điện chân điều trị đau răng	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559504
481	08.0313.0230	Điện chân điều trị đau do thoát hóa khớp	Điện chân điều trị đau do thoát hóa khớp	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559505
482	08.0314.0230	Điện chân điều trị tai	Điện chân điều trị tai	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559506
483	08.0316.0230	Điện chân điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	Điện chân điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559507
484	08.0317.0230	Điện chân điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Điện chân điều trị rối loạn thần kinh thực vật	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559508
485	08.0320.0230	Điện chân điều trị liệt do viêm da rết, da dây thần kinh	Điện chân điều trị liệt do viêm da rết, da dây thần kinh	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559509
486	08.0321.0230	Điện chân điều trị chứng te cơ mắt	Điện chân điều trị chứng te cơ mắt	2	78300	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559510
487	08.0322.0271	Thụy chân điều trị hội chứng thần kinh - hông	Thụy chân điều trị hội chứng thần kinh - hông	2	77100	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559511
488	08.0323.0271	Thụy chân điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Thụy chân điều trị đau đầu, đau nửa đầu	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	100559512
489	08.0324.0271	Thụy chân điều trị mắt ngứa	Thụy chân điều trị mắt ngứa	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	100559513
490	08.0325.0271	Thụy chân điều trị hội chứng stress	Thụy chân điều trị hội chứng stress	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	100559514
491	08.0326.0271	Thụy chân điều trị nấc	Thụy chân điều trị nấc	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	100559515
492	08.0327.0271	Thụy chân điều trị cảm mạo, cúm	Thụy chân điều trị cảm mạo, cúm	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	100559516
493	08.0328.0271	Thụy chân điều trị viêm amidan	Thụy chân điều trị viêm amidan	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	100559517
494	08.0331.0271	Thụy chân điều trị hội chứng đay tả trắng	Thụy chân điều trị hội chứng đay tả trắng	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	100559518
495	08.0333.0271	Thụy chân điều trị trĩ	Thụy chân điều trị trĩ	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	100559519
496	08.0338.0271	Thụy chân điều trị bại liệt te em	Thụy chân điều trị bại liệt te em	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	100559520
497	08.0340.0271	Thụy chân điều trị liệt te em	Thụy chân điều trị liệt te em	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	100559521
498	08.0342.0271	Thụy chân điều trị liệt te do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	Thụy chân điều trị liệt te do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	100559522
499	08.0343.0271	Thụy chân điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Thụy chân điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	100559523
500	08.0344.0271	Thụy chân điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	Thụy chân điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	100559524
501	08.0345.0271	Thụy chân điều trị cơn động kinh cục bộ	Thụy chân điều trị cơn động kinh cục bộ	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	100559525
502	08.0346.0271	Thụy chân điều trị sa tròng	Thụy chân điều trị sa tròng	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	100559526
503	08.0347.0271	Thụy chân điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Thụy chân điều trị hội chứng tiền mãn kinh	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	100559527
504	08.0351.0271	Thụy chân điều trị hội chứng tiền đình	Thụy chân điều trị hội chứng tiền đình	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	100559528
505	08.0352.0271	Thụy chân điều trị đau vai gáy	Thụy chân điều trị đau vai gáy	2	77100	Chưa bao gồm thuốc.	20250828	399/NQ-HĐND	20250828	100559529
506										

528	08.0389.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559552	
529	08.0390.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559553	
530	08.0391.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559554	
531	08.0392.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thái lưng- hông	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thái lưng- hông	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559555	
532	08.0393.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559556	
533	08.0394.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559557	
534	08.0395.0280	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559558	
535	08.0396.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559559	
536	08.0397.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559560	
537	08.0398.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559561	
538	08.0399.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559562	
539	08.0400.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559563	
540	08.0401.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khờ giác	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khờ giác	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559564	
541	08.0402.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559565	
542	08.0407.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559566	
543	08.0408.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559567	
544	08.0409.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559568	
545	08.0410.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559569	
546	08.0411.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559570	
547	08.0412.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559571	
548	08.0413.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559572	
549	08.0414.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559573	
550	08.0415.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559574	
551	08.0416.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559575	
552	08.0417.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559576	
553	08.0418.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559577	
554	08.0419.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559578	
555	08.0420.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559579	
556	08.0421.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559580	
557	08.0425.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tiền sườn	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tiền sườn	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559581	
558	08.0426.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng da dày- tá tràng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng da dày- tá tràng	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559582	
559	08.0428.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559583	
560	08.0429.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559584	
561	08.0430.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559585	
562	08.0431.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559586	
563	08.0432.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559587	
564	08.0433.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tê cơ mắt	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tê cơ mắt	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559588	
565	08.0434.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559589	
566	08.0435.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559590	
567	08.0436.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559591	
568	08.0437.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559592	
569	08.0438.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559593	
570	08.0439.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559594	
571	08.0440.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559595	
572	08.0441.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nóng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nóng	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559596	
573	08.0442.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đại cơ năng	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đại cơ năng	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559597	
574	08.0446.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559598	
575	08.0447.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559599	
576	08.0448.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559600	
577	08.0449.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559601	
578	08.0450.0280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phản ly	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phản ly	2	76000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559602	
579	08.0451.0228	Cửu điều trị hội chứng thái lưng- hông thể phong hàn	Cửu điều trị hội chứng thái lưng- hông thể phong hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559603	
580	08.0452.0228	Cửu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	Cửu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559604	
581	08.0453.0228	Cửu điều trị nấc thể hàn	Cửu điều trị nấc thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559605	
582	08.0454.0228	Cửu điều trị ngoại cảm phong hàn	Cửu điều trị ngoại cảm phong hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559606	
583	08.0455.0228	Cửu điều trị khản tiếng thể hàn	Cửu điều trị khản tiếng thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559607	
584	08.0456.0228	Cửu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	Cửu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559608	
585	08.0457.0228	Cửu điều trị hết chàm trên thể hàn	Cửu điều trị hết chàm trên thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559609	
586	08.0458.0228	Cửu điều trị hết chàm dưới thể hàn	Cửu điều trị hết chàm dưới thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559610	
587	08.0459.0228	Cửu điều trị hết nửa người thể hàn	Cửu điều trị hết nửa người thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559611	
588	08.0460.0228	Cửu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	Cửu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559612	
589	08.0461.0228	Cửu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	Cửu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559613	
590	08.0462.0228	Cửu điều trị giảm thính lực thể hàn	Cửu điều trị giảm thính lực thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559614	
591	08.0463.0228	Cửu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	Cửu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559615	
592	08.0464.0228	Cửu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Cửu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559616	
593	08.0465.0228	Cửu điều trị di tinh thể hàn	Cửu điều trị di tinh thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559617	
594	08.0466.0228	Cửu điều trị liệt dương thể hàn	Cửu điều trị liệt dương thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559618	
595	08.0467.0228	Cửu điều trị rối loạn tiêu tiện thể hàn	Cửu điều trị rối loạn tiêu tiện thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559619	
596	08.0468.0228	Cửu điều trị bí đại thể hàn	Cửu điều trị bí đại thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559620	
597	08.0469.0228	Cửu điều trị sa tử cung thể hàn	Cửu điều trị sa tử cung thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559621	
598	08.0470.0228	Cửu điều trị đau bụng kinh thể hàn	Cửu điều trị đau bụng kinh thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559622	
599	08.0471.0228	Cửu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn	Cửu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559623	
600	08.0472.0228	Cửu điều trị đại đàm thể hàn	Cửu điều trị đại đàm thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559624	
601	08.0473.0228	Cửu điều trị đau lưng thể hàn	Cửu điều trị đau lưng thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559625	
602	08.0474.0228	Cửu điều trị giảm khờ giác thể hàn	Cửu điều trị giảm khờ giác thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559626	
603	08.0475.0228	Cửu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	Cửu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559627	
604	08.0476.0228	Cửu điều trị cảm cúm thể hàn	Cửu điều trị cảm cúm thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559628	
605	08.0477.0228	Cửu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	Cửu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	3	37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559629	
606	08.0479.0235	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	3	36700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559630	
607	08.0480.0235	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	3	36700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559631	
608	08.0481.0235	Giác hơi điều trị các chứng đau	Giác hơi điều trị các chứng đau	3	36700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559632	
609	08.0482.0235	Giác hơi điều trị cảm cúm	Giác hơi điều trị cảm cúm	3	36700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559633	
610	08.16	Khám Y học cổ truyền	Khám Y học cổ truyền	3	36500	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559634	
611	09.0123.0898	Khí dung dưỡng thọ ở người bệnh nặng	Khí dung dưỡng thọ ở người bệnh nặng	2	27500	Chưa bao gồm thuốc khí dung. Chưa bao gồm sonde JJ.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559635
612	10.0356.0436	Dẫn lưu nước tiểu bằng quang	Dẫn lưu nước tiểu bằng quang	6	1920900		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559636
613	10.0359.0584	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần	7	1509500		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559637
614	10.0699.0883	Khâu vết thương thành bụng	Khâu vết thương thành bụng	6	2396200		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559638
615	10.0807.0577	Phẫu thuật thương tích phần mềm cơ cơ quan vận động	Phẫu thuật thương tích phần mềm cơ cơ quan vận động	6	5204600		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559639
616	10.0954.0576	Phẫu thuật								

637	10.1019.0526	Nắn, bó bột gậy 1/3 trên hai xương cẳng chân [bột tự căn]	Nắn, bó bột gậy 1/3 trên hai xương cẳng chân [bột tự căn]	1	300100	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559661	
638	10.1020.0525	Nắn, bó bột gậy 1/3 giữa hai xương cẳng chân [bột liền]	Nắn, bó bột gậy 1/3 giữa hai xương cẳng chân [bột liền]	1	372700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559662	
639	10.1021.0525	Nắn, bó bột gậy 1/3 dưới hai xương cẳng chân [bột liền]	Nắn, bó bột gậy 1/3 dưới hai xương cẳng chân [bột liền]	2	372700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559663	
640	10.1021.0526	Nắn, bó bột gậy 1/3 dưới hai xương cẳng chân [bột tự căn]	Nắn, bó bột gậy 1/3 dưới hai xương cẳng chân [bột tự căn]	2	300100	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559664	
641	10.1022.0519	Nắn, bó bột gậy xương chày [bột liền]	Nắn, bó bột gậy xương chày [bột liền]	2	257000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559665	
642	10.1022.0520	Nắn, bó bột gậy xương chày [bột tự căn]	Nắn, bó bột gậy xương chày [bột tự căn]	2	192400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559666	
643	10.1023.0532	Nắn, bó bột gậy xương gối	Nắn, bó bột gậy xương gối	2	167000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559667	
644	10.1024.0519	Nắn, bó bột gậy xương ngón chân [bột liền]	Nắn, bó bột gậy xương ngón chân [bột liền]	2	257000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559668	
645	10.1024.0520	Nắn, bó bột gậy xương ngón chân [bột tự căn]	Nắn, bó bột gậy xương ngón chân [bột tự căn]	2	192400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559669	
646	10.1026.0525	Nắn, bó bột gậy Dupuytren [bột liền]	Nắn, bó bột gậy Dupuytren [bột liền]	1	372700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559670	
647	10.1026.0526	Nắn, bó bột gậy Dupuytren [bột tự căn]	Nắn, bó bột gậy Dupuytren [bột tự căn]	1	300100	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559671	
648	10.1027.0521	Nắn, bó bột gậy Monteggia [bột liền]	Nắn, bó bột gậy Monteggia [bột liền]	1	372700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559672	
649	10.1027.0522	Nắn, bó bột gậy Monteggia [bột tự căn]	Nắn, bó bột gậy Monteggia [bột tự căn]	1	242400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559673	
650	10.1028.0519	Nắn, bó bột gậy xương bàn chân [bột liền]	Nắn, bó bột gậy xương bàn chân [bột liền]	2	257000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559674	
651	10.1028.0520	Nắn, bó bột gậy xương bàn chân [bột tự căn]	Nắn, bó bột gậy xương bàn chân [bột tự căn]	2	192400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559675	
652	10.1029.0515	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn [bột liền]	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn [bột liền]	2	434600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559676	
653	10.1029.0516	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn [bột tự căn]	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn [bột tự căn]	2	256600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559677	
654	10.1031.0513	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân [bột liền]	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân [bột liền]	2	282000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559678	
655	10.1031.0514	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân [bột tự căn]	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân [bột tự căn]	2	182000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559679	
656	10.19	Khám Ngoại tổng hợp	Khám Ngoại tổng hợp		36500	20250828_399/NQ-HĐND	20250828		100559680	
657	10.9003.0200	Thay băng [chiều dài ≤ 15cm]	Thay băng [chiều dài ≤ 15cm]		64300	Chi áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20250731	100559681
658	10.9003.0200_BS	Thay băng [chiều dài ≤ 15cm]	Thay băng [chiều dài ≤ 15cm]		64300	Chi áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559682
659	10.9003.0202	Thay băng [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	Thay băng [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]		121400		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20250731	100559683
660	10.9003.0202_BS	Thay băng [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	Thay băng [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]		121400		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559684
661	10.9003.0204	Thay băng [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	Thay băng [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]		193600		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20250731	100559685
662	10.9003.0204_BS	Thay băng [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	Thay băng [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]		193600		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559686
663	10.9003.0205	Thay băng [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	Thay băng [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]		275600		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20250731	100559687
664	10.9003.0205_BS	Thay băng [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	Thay băng [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]		275600		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559688
665	10.9005.0216	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương nông]	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương nông]		194700		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20250731	100559689
666	10.9005.0216_BS	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương nông]	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm [tổn thương nông]		194700		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559690
667	11.0004.1149	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn	2	458200		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559691
668	11.0005.1148	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn [dưới 10% diện tích cơ thể]	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn [dưới 10% diện tích cơ thể]	3	262900		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559692
669	11.0009.1149	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở trẻ em	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở trẻ em	2	458200		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559693
670	11.0089.0215	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị người bệnh bỏng	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị người bệnh bỏng	3	25100	Chi áp dụng với người bệnh ngoại trú; chưa bao gồm thuốc và dịch truyền.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559694
671	11.0090.0216	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị người bệnh bỏng	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị người bệnh bỏng	2	194700		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559695
672	11.0116.0199	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	3	279500	Áp dụng đối với bệnh Pemphigoid hoặc Pemphigoid hoặc lý thương bị bong nước sản sinh hoặc vết loét bàn chân do đái tháo đường hoặc vết loét, hoại tử ở bệnh nhân phong hoặc vết loét, hoại tử do tỷ lệ.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559696
673	12.0002.1044	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	6	771000		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559697
674	12.0010.1049	Cắt các u lành vùng cổ	Cắt các u lành vùng cổ	6	2928100		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559698
675	12.0230.1190	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10 cm	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10 cm	6	2140700		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559699
676	13.0048.0640	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	3	313500		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559700
677	13.0148.0630	Lấy dị vật âm đạo	Lấy dị vật âm đạo	2	653700		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559701
678	13.0151.0601	Trích áp xe tuyến Bartholin	Trích áp xe tuyến Bartholin	2	951600		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559702
679	13.0166.0715	Soi cổ tử cung	Soi cổ tử cung	2	68100		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559703
680	13.0238.0648	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không	2	429500		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559704
681	13.0239.0645	Phá thai bằng thuốc cho tuần thai đến hết 7 tuần	Phá thai bằng thuốc cho tuần thai đến hết 7 tuần	2	199700		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559705
682	13.0241.0644	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	3	450000		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559706
683	13.27	Khám Phụ sản	Khám Phụ sản		36500		20250828_399/NQ-HĐND	20250828		100559707
684	14.0200.0782	Lấy dị vật kết mạc	Lấy dị vật kết mạc	2	71500		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559708
685	14.0202.0785	Lấy calci kết mạc	Lấy calci kết mạc	3	40900		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559709
686	14.0203.0075	Cắt chỉ khâu da mi da mềm	Cắt chỉ khâu da mi da mềm	3	40300	Chi áp dụng với người bệnh ngoại trú.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559710
687	14.0207.0738	Trích chấp, leo, nang lông mi; trích áp xe mi, kết mạc	Trích chấp, leo, nang lông mi; trích áp xe mi, kết mạc	2	83500		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559711
688	14.0210.0799	Nắn tuyến bờ mi, dành bờ mi	Nắn tuyến bờ mi, dành bờ mi	3	40900		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559712
689	14.0211.0842	Rửa củng mắt	Rửa củng mắt	2	48300	Áp dụng cho 1 mắt hoặc 2 mắt	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559713
690	14.0215.0505	Rạch áp xe mi	Rạch áp xe mi	1	218500		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559714
691	14.0218.0849	Soi đáy mắt trực tiếp	Soi đáy mắt trực tiếp	2	60000		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559715
692	14.0256.0843	Đeo sắc giác	Đeo sắc giác	2	80600		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559716
693	14.0258.0754	Đeo kính xạ máy	Đeo kính xạ máy		12700		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559717
694	14.30	Khám Mắt	Khám Mắt		36500		20250828_399/NQ-HĐND	20250828		100559718
695	15.0045.0909	Phẫu thuật cắt bờ u nang vành tai, u bã đậu tại tai [gây mê]	Phẫu thuật cắt bờ u nang vành tai, u bã đậu tại tai [gây mê]	7	1385400		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559719
696	15.0045.0910	Phẫu thuật cắt bờ u nang vành tai, u bã đậu tại tai [gây tê]	Phẫu thuật cắt bờ u nang vành tai, u bã đậu tại tai [gây tê]	7	874800		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559720
697	15.0051.0216	Khâu vết rách vành tai	Khâu vết rách vành tai	3	194700		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559721
698	15.0054.0902	Lấy dị vật tai [kinh hiển vi, gây mê]	Lấy dị vật tai [kinh hiển vi, gây mê]	2	530700		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559722
699	15.0054.0903	Lấy dị vật tai [kinh hiển vi, gây tê]	Lấy dị vật tai [kinh hiển vi, gây tê]	2	170600		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559723
700	15.0056.0882	Chọc hút dịch vành tai	Chọc hút dịch vành tai	3	64300		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559724
701	15.0058.0899	Làm thuốc tai	Làm thuốc tai	3	22000	Chưa bao gồm thuốc.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559725
702	15.0059.0908	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	2	70300		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559726
703	15.0139.0897	Phương pháp Proetz	Phương pháp Proetz	3	69300		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559727
704	15.0212.0900	Lấy dị vật hong mũi	Lấy dị vật hong mũi	3	43100		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559729
705	15.0213.0900	Lấy dị vật hạ họng	Lấy dị vật hạ họng	2	43100		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559730
706	15.0219.1888	Đặt nội khí quản	Đặt nội khí quản	1	600500		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559731
707	15.0222.0898	Khi dụng mũi họng	Khi dụng mũi họng		27500	Chưa bao gồm thuốc khi dụng.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559732
708	15.0240.0905	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê [gây tê]	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê [gây tê]	4	404900		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559736
709	15.0301.0216	Khâu vết thương domain vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương nông chiều dài < 10 cm]	Khâu vết thương domain vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương nông chiều dài < 10 cm]		194700		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559737
710	15.0301.0217	Khâu vết thương domain vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương nông chiều dài ≥ 10 cm]	Khâu vết thương domain vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương nông chiều dài ≥ 10 cm]	1	269500		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559738
711	15.0301.0218	Khâu vết thương domain vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương sâu chiều dài < 10 cm]	Khâu vết thương domain vùng đầu, mặt, cổ [tổn thương sâu chiều dài < 10 cm]	1	289500		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559739
712	15.0303.0200	Thay băng vết mổ [chiều dài ≤ 15cm]	Thay băng vết mổ [chiều dài ≤ 15cm]	3	64300	Chi áp dụng với người bệnh ngoại trú. Đối với người bệnh nội trú theo quy định của Bộ Y tế.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559740
713	15.0303.0204	Thay băng vết mổ [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	Thay băng vết mổ [chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng]	3	193600		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559741
714	15.0303.0205	Thay băng vết mổ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	Thay băng vết mổ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	3	275600		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559742
715	15.28	Khám Tai Mũi Họng	Khám Tai Mũi Họng		36500		20250828_399/NQ-HĐND	20250828		100559743
716	16.0043.1020	Lấy cao răng [hai hàm]	Lấy cao răng [hai hàm]	1	159100		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559745
717	16.0061.1011	Điều trị tủy răng	Điều trị tủy răng	7	987500		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559746
718	16.0067.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassonomer Cement (GIC) kết hợp Composite	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassonomer Cement (GIC) kết hợp Composite	2	280500		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559747
719	16.0068.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	2	280500		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559748
720	16.0070.1031	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassonomer Cement	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glassonomer Cement	2	280500		20250828_399/N			

725	16.0205.1024	Nhỏ chân răng vĩnh viễn	Nhỏ chân răng vĩnh viễn	1	217200	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559754
726	16.0206.1026	Nhỏ răng thừa	Nhỏ răng thừa	1	239500	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559755
727	16.0214.1007	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	7	178900	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559756
728	16.0222.1035	Trám bit hồ rãnh với Glassonomer Cement quang trùng hợp	Trám bit hồ rãnh với Glassonomer Cement quang trùng hợp	1	245500	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559757
729	16.0223.1035	Trám bit hồ rãnh với Composite hóa trùng hợp	Trám bit hồ rãnh với Composite hóa trùng hợp	1	245500	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559758
730	16.0224.1035	Trám bit hồ rãnh với Composite quang trùng hợp	Trám bit hồ rãnh với Composite quang trùng hợp	1	245500	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559759
731	16.0225.1035	Trám bit hồ rãnh bằng nhựa Sealant	Trám bit hồ rãnh bằng nhựa Sealant	1	245500	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559760
732	16.0226.1035	Trám bit hồ rãnh bằng Glassonomer Cement	Trám bit hồ rãnh bằng Glassonomer Cement	1	245500	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559761
733	16.0230.1010	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	1	380100	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559762
734	16.0232.1016	Điều trị tủy răng sữa [một chân]	Điều trị tủy răng sữa [một chân]	7	296100	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559763
735	16.0232.1017	Điều trị tủy răng sữa [nhiều chân]	Điều trị tủy răng sữa [nhiều chân]	7	415500	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559764
736	16.0236.1019	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glassonomer Cement	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi bằng Glassonomer Cement	1	112500	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559765
737	16.0298.1009	Cổ định tam thời sơ cứu gãy xương hàm	Cổ định tam thời sơ cứu gãy xương hàm	4	414400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559766
738	16.0335.1022	Nắn sai khớp thái dương hàm	Nắn sai khớp thái dương hàm	1	110800	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559767
739	16.0337.1053	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	1	1832000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559768
740	16.29	Khám Răng Hàm Mặt	Khám Răng Hàm Mặt		36500	20250828_399/NQ-HĐND	20250828		100559769
741	17.0001.0254	Điều trị bằng sóng ngắn	Điều trị bằng sóng ngắn	3	41100	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559770
742	17.0002.0254	Điều trị bằng sóng cực ngắn	Điều trị bằng sóng cực ngắn	3	41100	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559771
743	17.0007.0234	Điều trị bằng các dòng điện xung	Điều trị bằng các dòng điện xung	3	44000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559772
744	17.0008.0253	Điều trị bằng siêu âm	Điều trị bằng siêu âm	3	48700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559773
745	17.0011.0237	Điều trị bằng tia hồng ngoại	Điều trị bằng tia hồng ngoại		40900	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559774
746	17.0018.0221	Điều trị bằng Parafin	Điều trị bằng Parafin	3	46600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559775
747	17.0026.0220	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	3	50800	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559776
748	17.0033.0266	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	3	51800	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559777
749	17.0034.0267	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	3	59300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559778
750	17.0037.0267	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động	3	59300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559779
751	17.0039.0267	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động	3	59300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559780
752	17.0041.0268	Tập đi với thanh song song	Tập đi với thanh song song		33400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559781
753	17.0042.0268	Tập đi với khung tập đi	Tập đi với khung tập đi		33400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559782
754	17.0043.0268	Tập đi với nạng (nạng chân, nạng khay)	Tập đi với nạng (nạng chân, nạng khay)		33400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559783
755	17.0044.0268	Tập đi với gậy	Tập đi với gậy		33400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559784
756	17.0047.0268	Tập lên, xuống cầu thang	Tập lên, xuống cầu thang	3	33400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559785
757	17.0051.0268	Tập đi với khung treo	Tập đi với khung treo		33400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559786
758	17.0052.0267	Tập vận động thủ động	Tập vận động thủ động	3	59300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559787
759	17.0053.0267	Tập vận động có trợ giúp	Tập vận động có trợ giúp	3	59300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559788
760	17.0056.0267	Tập vận động có kháng trở	Tập vận động có kháng trở	3	59300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559789
761	17.0058.0268	Tập vận động trên bóng	Tập vận động trên bóng		33400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559790
762	17.0063.0268	Tập với thang tường	Tập với thang tường		33400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559791
763	17.0064.0268	Tập với giàn treo các chi	Tập với giàn treo các chi		33400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559792
764	17.0065.0269	Tập với ròng rọc	Tập với ròng rọc		14700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559793
765	17.0066.0268	Tập với dụng cụ quay khớp vai	Tập với dụng cụ quay khớp vai		33400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559794
766	17.0068.0268	Tập thăng bằng với bàn bập bênh	Tập thăng bằng với bàn bập bênh	3	33400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559795
767	17.0069.0268	Tập với máy tập thăng bằng	Tập với máy tập thăng bằng	3	33400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559796
768	17.0070.0261	Tập với ghế tập marche cơ từ đầu đùi	Tập với ghế tập marche cơ từ đầu đùi		14700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559797
769	17.0071.0270	Tập với xe đạp tập	Tập với xe đạp tập		14700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559798
770	17.0072.0268	Tập với bàn nghiêng	Tập với bàn nghiêng		33400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559799
771	17.0073.0277	Tập các kiểu thở	Tập các kiểu thở	3	32900	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559800
772	17.0075.0277	Tập ho có trợ giúp	Tập ho có trợ giúp	3	32900	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559801
773	17.0078.0238	Kỹ thuật kéo nắn trí liệu	Kỹ thuật kéo nắn trí liệu	3	54800	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559802
774	17.0086.0283	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	3	64900	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559804
775	17.0090.0267	Tập điều hòa vận động	Tập điều hòa vận động		59300	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559805
776	17.0092.0268	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn		33400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559806
777	17.0104.0263	Tập nuốt	Tập nuốt	3	173700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20250731	100559807
778	17.0104.0263	Tập nuốt [sử dụng máy]	Tập nuốt [sử dụng máy]	3	173700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559808
779	17.0104.0264	Tập nuốt	Tập nuốt	3	144700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20250731	100559809
780	17.0104.0264	Tập nuốt [không sử dụng máy]	Tập nuốt [không sử dụng máy]	3	144700	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559810
781	17.0109.0265	Tập cho người thất ngôn	Tập cho người thất ngôn	3	124000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559811
782	17.0111.0265	Tập sửa lỗi phát âm	Tập sửa lỗi phát âm		124000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559812
783	17.0161.0228	Điều trị chườm ngải cứu	Điều trị chườm ngải cứu		37000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559813
784	17.0168.0281	Kỹ thuật xoa bóp bằng máy	Kỹ thuật xoa bóp bằng máy		39000	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559814
785	17.0175.0238	Kỹ thuật kéo giãn cho trẻ em bị vẹo cổ bẩm sinh	Kỹ thuật kéo giãn cho trẻ em bị vẹo cổ bẩm sinh	3	54800	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559815
786	17.0250.0256	Tập do cứng khớp	Tập do cứng khớp		56200	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559816
787	17.0251.0268	Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp	Tập vận động với các dụng cụ trợ giúp		33400	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559817
788	17.0252.0279	Xoa bóp áp lực hơi	Xoa bóp áp lực hơi		32900	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559818
789	17.31	Khám Phục hồi chức năng	Khám Phục hồi chức năng		36500	20250828_399/NQ-HĐND	20250828		100559819
790	18.0001.0001	Siêu âm tuyến giáp	Siêu âm tuyến giáp		58600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559820
791	18.0002.0001	Siêu âm các tuyến nước bọt	Siêu âm các tuyến nước bọt		58600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559821
792	18.0015.0001	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)		58600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559822
793	18.0016.0001	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)		58600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559823
794	18.0018.0001	Siêu âm tử cung phần phụ	Siêu âm tử cung phần phụ		58600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559824
795	18.0019.0001	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)		58600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559825
796	18.0020.0001	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)		58600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559826
797	18.0030.0001	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng		58600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559827
798	18.0034.0001	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu		58600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559828
799	18.0035.0001	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa		58600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559829
800	18.0036.0001	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối		58600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559830
801	18.0054.0001	Siêu âm tuyến vú hai bên	Siêu âm tuyến vú hai bên		58600	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559831
802	18.0067.0010	Chụp X-quang so thẳng/nghiêng [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	Chụp X-quang so thẳng/nghiêng [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]		58300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559832
803	18.0067.0013	Chụp X-quang so thẳng/nghiêng [≤ 24x30 cm, 2 tư thế]	Chụp X-quang so thẳng/nghiêng [≤ 24x30 cm, 2 tư thế]		77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559833
804	18.0068.0013	Chụp X-quang mặt thẳng/nghiêng [≤ 24x30 cm, 2 tư thế]	Chụp X-quang mặt thẳng/nghiêng [≤ 24x30 cm, 2 tư thế]		77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559834
805	18.0069.0010	Chụp X-quang mặt thấp hoặc mặt cao [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	Chụp X-quang mặt thấp hoặc mặt cao [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]		58300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559835
806	18.0071.0011	Chụp X-quang hốc mắt thẳng/nghiêng [≤ 24x30 cm, 2 tư thế]	Chụp X-quang hốc mắt thẳng/nghiêng [≤ 24x30 cm, 2 tư thế]		64300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559836
807	18.0072.0010	Chụp X-quang Blondeau [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	Chụp X-quang Blondeau [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]		58300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559837
808	18.0073.0010	Chụp X-quang Hirtz [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	Chụp X-quang Hirtz [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]		58300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559838
809	18.0074.0010	Chụp X-quang hàm chẻ một bên [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	Chụp X-quang hàm chẻ một bên [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]		58300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559839
810	18.0075.0010	Chụp X-quang xương chỉnh mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	Chụp X-quang xương chỉnh mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]		58300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559840
811	18.0076.0010	Chụp X-quang hố yên thẳng hoặc nghiêng [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	Chụp X-quang hố yên thẳng hoặc nghiêng [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]		58300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559841
812	18.0077.0010	Chụp X-quang Chausse III [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	Chụp X-quang Chausse III [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]		58300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559842
813	18.0078.0010	Chụp X-quang Schuller [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	Chụp X-quang Schuller [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]		58300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559843
814	18.0079.0010	Chụp X-quang Stenvers [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	Chụp X-quang Stenvers [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]		58300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	100559844
815	18.0085.0010	Chụp X-quang mỏm trán [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]	Chụp X-quang mỏm trán [≤ 24x30 cm, 1 tư thế]		58300	Áp dụng cho 01 vị trí			

830	18.0102.0013	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559860
831	18.0103.0013	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559861
832	18.0104.0013	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559862
833	18.0105.0012	Chụp X-quang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle) [> 24x30 cm, 1 tư thế]	Chụp X-quang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle) [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559863
834	18.0106.0013	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559864
835	18.0107.0013	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559865
836	18.0108.0013	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559866
837	18.0109.0012	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên [> 24x30 cm, 1 tư thế]	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559867
838	18.0111.0013	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559868
839	18.0112.0013	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559869
840	18.0113.0013	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè [> 24x30 cm, 2 tư thế]	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559870
841	18.0114.0013	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559871
842	18.0115.0013	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559872
843	18.0116.0013	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559873
844	18.0117.0011	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [≤ 24x30 cm, 2 tư thế]	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [≤ 24x30 cm, 2 tư thế]	64300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559874
845	18.0119.0012	Chụp X-quang ngực thẳng [> 24x30 cm, 1 tư thế]	Chụp X-quang ngực thẳng [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559875
846	18.0120.0012	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên [> 24x30 cm, 1 tư thế]	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559876
847	18.0121.0013	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559877
848	18.0122.0013	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chếch [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559878
849	18.0123.0012	Chụp X-quang đỉnh phổi trên [> 24x30 cm, 1 tư thế]	Chụp X-quang đỉnh phổi trên [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559879
850	18.0124.0016	Chụp X-quang thực quản cổ nghiêng [có thuốc cản quang]	Chụp X-quang thực quản cổ nghiêng [có thuốc cản quang]	109300		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559880
851	18.0124.0034	Chụp X-quang thực quản cổ nghiêng [có thuốc cản quang, số hóa]	Chụp X-quang thực quản cổ nghiêng [có thuốc cản quang, số hóa]	264800		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559881
852	18.0125.0012	Chụp X-quang bụng không chuẩn vị thẳng hoặc nghiêng [> 24x30 cm, 1 tư thế]	Chụp X-quang bụng không chuẩn vị thẳng hoặc nghiêng [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559882
853	20.0010.0990	Nội soi thành ống mềm chẩn đoán	Nội soi thành ống mềm chẩn đoán	245500		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559883
854	20.0013.0933	Nội soi tai mũi họng	Nội soi tai mũi họng	116100	Trường hợp chỉ nội soi Tai hoặc Mũi hoặc Họng thì thanh toán 40.000 đồng/cá.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559884
855	21.0014.1778	Điện tim thường	Điện tim thường	39900		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559886
856	21.0084.0754	Đo khúc xạ máy	Đo khúc xạ máy	12700		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559887
857	21.0092.0755	Đo nhãn áp	Đo nhãn áp	31600		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559888
858	22.0019.1348	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	13600	3	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559889
859	22.0021.1219	Có cục máu đông (tên khác: Có cục máu)	Có cục máu đông (tên khác: Có cục máu)	16600		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559890
860	22.0119.1368	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	39700		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559891
861	22.0120.1370	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	43500		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559892
862	22.0121.1369	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	49700		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559893
863	22.0123.1297	Huyết độ (bằng phương pháp thủ công)	Huyết độ (bằng phương pháp thủ công)	70800		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559894
864	22.0125.1298	Huyết độ (bằng máy đếm laser)	Huyết độ (bằng máy đếm laser)	74000		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559895
865	22.0138.1362	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	39700		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559896
866	22.0142.1304	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	24800		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559897
867	22.0163.1412	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)	37300		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559898
868	22.0280.1269	Định nhóm máu hệ ABO (ký thuật phiên dã)	Định nhóm máu hệ ABO (ký thuật phiên dã)	42100		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559899
869	23.0003.1494	Định lượng Acid Uric [Máu]	Định lượng Acid Uric [Máu]	22400	Mối chất	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559900
870	23.0007.1494	Định lượng Albumin [Máu]	Định lượng Albumin [Máu]	22400	Mối chất	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559901
871	23.0019.1493	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	22400	Không thanh toán đối với các xét nghiệm Bilirubin gián tiếp. Tỷ lệ A/G là những xét nghiệm có thể ngoại suy được.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559902
872	23.0020.1493	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	22400	Không thanh toán đối với các xét nghiệm Bilirubin gián tiếp. Tỷ lệ A/G là những xét nghiệm có thể ngoại suy được.	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559903
873	23.0041.1506	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	28000		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559904
874	23.0051.1494	Định lượng Creatinin (máu)	Định lượng Creatinin (máu)	22400	Mối chất	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559905
875	23.0075.1494	Định lượng Glucose [Máu]	Định lượng Glucose [Máu]	22400	Mối chất	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559906
876	23.0084.1506	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	28000		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559907
877	23.0112.1506	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	28000		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559908
878	23.0158.1506	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	28000		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559909
879	23.0206.1596	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	28600		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559910
880	24.0001.1714	Vi khuẩn nhuộm soi	Vi khuẩn nhuộm soi	74200		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559911
881	24.0002.1720	Vi khuẩn test nhanh	Vi khuẩn test nhanh	261000		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559912
882	24.0017.1714	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	74200		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559913
883	24.0117.1646	HBsAg test nhanh	HBsAg test nhanh	58600		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559914
884	24.0122.1643	HBsAb test nhanh	HBsAb test nhanh	65200		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559915
885	24.0144.1621	HCV Ab test nhanh	HCV Ab test nhanh	58600		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559916
886	24.0169.1616	HIV Ab test nhanh	HIV Ab test nhanh	58600		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559917
887	24.0267.1674	Trứng giun, sán soi tươi	Trứng giun, sán soi tươi	45500		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559918
888	24.0268.1674	Trứng giun soi tập trung	Trứng giun soi tập trung	45500		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559919
889	24.0269.1674	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) ấu trùng soi tươi	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) ấu trùng soi tươi	45500		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559920
890	24.0289.1694	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	35100		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559921
891	24.0291.1720	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	261000		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559922
892	24.0317.1674	Trichomonas vaginalis soi tươi	Trichomonas vaginalis soi tươi	45500		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559923
893	24.0319.1674	Vi nấm soi tươi	Vi nấm soi tươi	45500		20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100559924
894	03.3854.0519	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay [bột liền]	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay [bột liền]	257000	2	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100571984
895	18.0110.0012	Chụp X-quang khớp háng nghiêng [> 24x30 cm, 1 tư thế]	Chụp X-quang khớp háng nghiêng [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100573600
896	18.0072.0028	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 1 phim]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100606280
897	18.0125.0028	Chụp X-quang bụng không chuẩn vị thẳng hoặc nghiêng [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang bụng không chuẩn vị thẳng hoặc nghiêng [số hóa 1 phim]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100606281
898	18.0077.0028	Chụp X-quang Chausse III [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang Chausse III [số hóa 1 phim]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100606282
899	18.0089.0028	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2 [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2 [số hóa 1 phim]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100606283
900	18.0087.0028	Chụp X-quang cột sống cổ chếch hai bên [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang cột sống cổ chếch hai bên [số hóa 1 phim]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100606284
901	18.0086.0028	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100606285
902	18.0096.0028	Chụp X-quang cột sống颈椎 cụt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang cột sống颈椎 cụt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100606286
903	18.0090.0028	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch [số hóa 1 phim]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100606287
904	18.0092.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai bên [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chếch hai bên [số hóa 1 phim]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100606288
905	18.0095.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze [số hóa 1 phim]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100606289
906	18.0094.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gấp uốn [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gấp uốn [số hóa 1 phim]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100606290
907	18.0093.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100606291
908	18.0091.0028	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100606292
909	18.0123.0028	Chụp X-quang đỉnh phổi trên [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang đỉnh phổi trên [số hóa 1 phim]	77300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HĐND	20250828	20260630	100606293
910	18.0074.0028	Chụp X-quang							

915	18.0110.0028	Chụp X-quang khớp háng nghiêng [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang khớp háng nghiêng [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060299
916	18.0109.0028	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060300
917	18.0105.0028	Chụp X-quang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle) [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle) [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060301
918	18.0104.0028	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060302
919	18.0080.0028	Chụp X-quang khớp tại tư thế nằm [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang khớp tại tư thế nằm [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060303
920	18.0122.0028	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chéo [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chéo [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060304
921	18.0101.0028	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060305
922	18.0100.0028	Chụp X-quang khớp vai thẳng [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang khớp vai thẳng [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060306
923	18.0095.0028	Chụp X-quang khớp khuỷu chĩa thẳng [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang khớp khuỷu chĩa thẳng [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060307
924	18.0068.0028	Chụp X-quang mắt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang mắt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060308
925	18.0069.0028	Chụp X-quang mắt thấp khớp mắt cao [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang mắt thấp khớp mắt cao [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060309
926	18.0085.0028	Chụp X-quang môm trên [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang môm trên [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060310
927	18.0120.0028	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chéo mắt bên [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chéo mắt bên [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060311
928	18.0119.0028	Chụp X-quang ngực thẳng [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang ngực thẳng [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060312
929	18.0078.0028	Chụp X-quang Schuller [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang Schuller [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060313
930	18.0067.0028	Chụp X-quang so thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang so thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060314
931	18.0070.0028	Chụp X-quang so tiếp tuyến [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang so tiếp tuyến [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060315
932	18.0079.0028	Chụp X-quang Stenvers [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang Stenvers [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060316
933	18.0102.0028	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060317
934	18.0108.0028	Chụp X-quang xương bả vai thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang xương bả vai thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060318
935	18.0116.0028	Chụp X-quang xương bả vai, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang xương bả vai, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060319
936	18.0113.0028	Chụp X-quang xương bả vai và khớp đùi bả vai [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang xương bả vai và khớp đùi bả vai [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060320
937	18.0114.0028	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060321
938	18.0106.0028	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060322
939	18.0103.0028	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060323
940	18.0075.0028	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng tiếp tuyến [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng tiếp tuyến [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060324
941	18.0115.0028	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060325
942	18.0107.0028	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060326
943	18.0099.0028	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060327
944	18.0111.0028	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060328
945	18.0117.0028	Chụp X-quang xương gối thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang xương gối thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060329
946	18.0102.0028	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [số hóa 1 phim]	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [số hóa 1 phim]	73300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060330
947	14.0238.0029	Chụp khu trú đi vôi nội nhân [số hóa 2 phim]	Chụp khu trú đi vôi nội nhân [số hóa 2 phim]	2	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	100060331
948	14.0239.0029	Chụp lỗ thị giác [số hóa 2 phim]	Chụp lỗ thị giác [số hóa 2 phim]	2	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	100060332
949	18.0072.0028	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060333
950	18.0125.0029	Chụp X-quang bụng không chứa bị thẳng hoặc nghiêng [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang bụng không chứa bị thẳng hoặc nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060334
951	18.0089.0028	Chụp X-quang cổ sống cổ C1-C2 [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang cổ sống cổ C1-C2 [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060335
952	18.0087.0029	Chụp X-quang cổ sống cổ chéo hai bên [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang cổ sống cổ chéo hai bên [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060336
953	18.0086.0029	Chụp X-quang cổ sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang cổ sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060337
954	18.0096.0029	Chụp X-quang cổ sống cổ cắt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang cổ sống cổ cắt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060338
955	18.0090.0029	Chụp X-quang cổ sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang cổ sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060339
956	18.0092.0029	Chụp X-quang cổ sống thẳng lưng chéo hai bên [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang cổ sống thẳng lưng chéo hai bên [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060340
957	18.0094.0029	Chụp X-quang cổ sống thẳng lưng đồng, gấp tròn [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang cổ sống thẳng lưng đồng, gấp tròn [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060341
958	18.0093.0029	Chụp X-quang cổ sống thẳng lưng L5-S1 thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang cổ sống thẳng lưng L5-S1 thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060342
959	18.0091.0029	Chụp X-quang cổ sống thẳng lưng thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang cổ sống thẳng lưng thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060343
960	18.0071.0029	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060344
961	18.0112.0029	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060345
962	18.0104.0029	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060346
963	18.0122.0029	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chéo [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chéo [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060347
964	18.0100.0029	Chụp X-quang khớp vai thẳng [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang khớp vai thẳng [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060348
965	18.0068.0029	Chụp X-quang mắt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang mắt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060349
966	18.0119.0029	Chụp X-quang ngực thẳng [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang ngực thẳng [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060350
967	18.0129.0029	Chụp X-quang phim do so thẳng, nghiêng (Cephalometric) [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang phim do so thẳng, nghiêng (Cephalometric) [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060351
968	18.0067.0029	Chụp X-quang so thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang so thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060352
969	18.0102.0029	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060353
970	18.0108.0029	Chụp X-quang xương bả vai thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang xương bả vai thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060354
971	18.0116.0029	Chụp X-quang xương bả vai, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang xương bả vai, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060355
972	18.0113.0029	Chụp X-quang xương bả vai và khớp đùi bả vai [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang xương bả vai và khớp đùi bả vai [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060356
973	18.0114.0029	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060357
974	18.0106.0029	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060358
975	18.0103.0029	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060359
976	18.0115.0029	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060360
977	18.0107.0029	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060361
978	18.0111.0029	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060362
979	18.0102.0029	Chụp X-quang xương gối thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang xương gối thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060363
980	18.0121.0029	Chụp X-quang khớp ức thẳng, nghiêng [số hóa 2 phim]	Chụp X-quang khớp ức thẳng, nghiêng [số hóa 2 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060364
981	18.0088.0030	Chụp X-quang cổ sống cổ đồng, nghiêng 3 tư thế [số hóa 3 phim]	Chụp X-quang cổ sống cổ đồng, nghiêng 3 tư thế [số hóa 3 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060365
982	18.0097.0030	Chụp X-quang khớp cùng chậu thẳng chéo hai bên [số hóa 3 phim]	Chụp X-quang khớp cùng chậu thẳng chéo hai bên [số hóa 3 phim]	105300	Áp dụng cho 01 vị trí	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060366
983	23.0166.1494	Định lượng Urê máu [Máu]	Định lượng Urê máu [Máu]	22400	Mỗi chất	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060367
984	23.0077.1518	Đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transferase) [Máu]	Đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transferase) [Máu]	20000	Mỗi chất	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060368
985	24.0187.1637	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	142500	Mỗi chất	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060369
986	24.0225.2041	EV71 IgM/IgG test nhanh	EV71 IgM/IgG test nhanh	125000	Mỗi chất	20250828_399/NQ-HDND	20250828	20260630	100060370